

dân quê	farmer, peasant (41AC)
dân-số	population (44G)
dân-tộc	people (as a nation) (37)
dễ chịu	pleasant, agreeable (39)
di-cư	to emigrate (45C)
dịch	to translate (37T)
dọc	length (file) (47)
dọn	to arrange, to put things or furniture in order (35)
dọn dẹp	see dọn (35)
đơ	dirty (34)
dù	umbrella (44)
duyên-hải	sea coast (39)
duyệt-binh	military parade (43)
 <u>Đ</u>	
đá	rock (44G)
đại-bác	cannon (44)
đại-đội	company (43)
đại-tướng	Lt. General (43)
đào	to dig (45C)
đàn bà	woman (46H)
đánh lộn	to fight, brawl (46)
đặc-biệt	special (48C)
đắp	to cover (35)

VS. LL 33-48

dâu cững	everywhere (420)
dầu làng	head of the village (40)
dậu phộng rang	roasted peanuts (34)
dầy	to be full (46)
dầy đủ	adequate (39)
deo	to carry, hang on the shoulders, ears, etc... (44)
đèo	mountain pass (480)
đề ... lại	to leave (35)
đi chơi thuyền	to sail (39)
đi đều	to march in step (44)
đi ra ngoài	to go out (47G)
địa-dư	geography (44G)
định-cư	to be settled, settle (refugees) (420)
đổ	to pour (46)
đỡ	to dare, challenge (420)
đô hộ	to dominate, rub (420)
độc lập	independence (46H)
đội	to carry, wear, bear on the head (44)
đổi	to change (43H)
đội	group (38)
đồn	military post (37)
Đông	east, eastern (41)
đông	to be a crowd, many (44G)
(cánh) đồng	paddy field (38)

Dông-duong	Indochina (44G)
đồng hồ	the clock, watch (33AC)
Dông-Nam Á-châu	Southeast Asia (44G)
đốt	to burn (47G)
đứng hàng dọc	to stand in file (47)
đứng lại	to halt (47)
đường sá, đường	road, street (44G)
<u>G</u>	
gác	attic, upstairs (34)
gài	to fasten (48C)
(cái) gàu	bamboo bucket (used to bail the water to and from the rice fields) (40)
gần	near, nearly, almost (41)
gãy (gãy)	to break (stick, pencil, bone ...) (42)
gồm có	including (44G)
guốc	clogs, wooden shoes (33)
<u>Gh</u>	
ghét	to hate (37)
ghi	to record (42C)
<u>Gi</u>	
giải nghĩa	to explain (42C)
giac	to join (45C)

Giao-chỉ	name given to Vietnamese by Chinese conquerors (45C)
giáp	bordering (44G)
giặc	pirate (46H)
giấy bạc	paper money (34)
giết	to kill (37)
gió bắc	north wind (47G)
gió nồm	south wind (47G)
giọng	accent, voice, tone (41)
giống (người)	human race (45C)
giùm	to help (33)
giúp	to help (37)
giữa	in the middle, between (47G)
giường	bed (33)

H

hải-quân	navy (44)
hàng xóm	neighborhood (40)
hát bội	traditional drama (45)
hăm; hai mươi	twenty (44)
hẳn	quite (41)
hầm	to stew, the process of stewing food (35)
hèn chi, hèn gì	no wonder (41)
hiên ngang	proud, haughty (45C)
hiệu-trưởng	school principal (36)

hình như	to seem (41)
hoa, bông	flower (39)
hỏa tiễn	rocket (48)
hoàn-cảnh	(personal) situation (37)
hoặc	or (39)
học-hành, học	to study (36)
học trò	school pupil (42C)
hôm nào	some day (45)
Hồng-thập-tự	Red Cross (48)
hộp	box (34)
hột gà lộn	fertilized or half hatched chicken egg (33)
hủ tiếu	Chinese noodle soup (33)
huân luyện	to train (47)
Hùng Vương	name of 1st known King of Viet-Nam (43H)

I

im	quiet, silent, still (47G)
ít nhất	at least (43)

K

kéo	otherwise, for fear that (33)
kéo	to pull (48)
kéo dài	to last (47G)
kể	to tell, relate (36)
kêu, gọi	to call (45)

kia kia	over there (33)
(con) kiên	ant (47G)
kín	well closed (35)
Kinh-thi	Book of Odes (42C)
kính	to respect (42C)
 <u>Kh</u>	
khám	to inspect (36)
khẩu	mouth; muzzle (classifier for firearms) (44)
khen	to praise (34)
khí	when, moment, time, while (37)
khí nào	when, whenever (39)
kho	to stew in fish sauce (36)
khoan đã!	wait a moment! (46)
khoanh tay	to fold one's arms (48C)
khỏi	out of (a location; to be recovered) (42)
khỏi	to avoid (45)
không may	unfortunate(ly)
không nào ... hết	not ... any ... at all (39)
không nào ... hết cả	not ... any ... at all (39)
không-quân	air force (44)
Khổng-tử	Confucius (42C)
khu-trục-cơ, phi-cơ khu trục	fighter interceptor (48)
khuya	late in the night (33)
khuyên	to advise (36)

L

lạ	strange (36)
lại	to go, come over (46)
làm ơn	to do a favor; please (33)
làng	village (37)
lãnh-thô	territory (44G)
lạt	tasteless (34)
lau chùi	to dry, wipe away (34)
Lăng-tô	a place near Saigon (46)
lấm	soiled, dirtied with (mud ...) (34)
lầm	to be wrong, mistaken (r1)
lần	time (35AC)
lấy nhau	to be married (43H)
lên	to be a certain age (of children) (41)
lịch-sử	history (43H)
lệnh	an order (47)
lo	to worry (37)
lô-quân	army (unit) (43)
lúa	unhusked rice (38)
lúc đầu	at first (37AC)
luộc	to cook in water, boil (36)
luôn luôn	always (37)
lụt	flood (39)
luyện-tập	to train (46H)
lưu-vực	basin (of river) (42C)

VS. LL 33-48

M

mã	mother (33)
mà	final particle (33PD)
mà vẫn	still, nonetheless; and yet (38)
mà	so that (40)
Mã-viện	a Chinese general (46H)
mang	to wear, put on (33AC)
máu	blood (42)
máy chụp hình	camera (45)
máy vô-tuyến điện-thoại	radio telephone (38)
mặn	salty (34AC)
măng	bamboo sprout, bamboo shoot (35)
mặt trời	the sun (33)
mập	fat (35)
mất	to lose (35)
mất	to die (polite) (41)
mấy	a few, some (39)
mây	you (used by superior to inferior) (42C)
mẹ	mother (33)
mền	blanket (35)
miền	region (39)
miếng	a piece (cake, fruit) (48C)
min	a mine (42)
mọi	every (34)
mòn	to wear off (44G)

VS. LL 33-48

mong	to hope (39)
mỏng	thin (35)
mồ hôi	perspiration (35)
mỗi	each (38)
Mông-cô	Mongolian (450)
một chút	a little bit (34)
mới	only (33)
mùa hè, mùa hạ	summer (47G)
mưa dầm	persistent rain (39)
mưa phùn	drizzle (39)
muốn	to hire, rent (45)

N

Nam-tiên	southward (450)
Nam-dương	Indonesia (45G)
Nam-Việt	3rd name of Viet-Nam (208 B.C.) (43H)
nàng tiên	a fairy (43H)
nào cũng	every (42)
nằm	to lie (down) (35)
nặng	to be serious, fatal (42)
nấu chín	cooked, well done (41AC)
này!	say!, hey! (35)
nên	therefore (34)
nên	should, ought to (35)
nên	to become somebody (420)

VS. LL 33-48

nền	foundation, basis; classifier for economic political or cultural institutions (48C)
nói chơi	to joke (38)
nói thật	to tell the truth (38)
non	mountain (45C)
nông dân	farmer, peasant (37)
nút áo	button (40)
nữ khanh hộ	nurse (42)
nước	classifier for country, nation (39)
nước mắm	fish sauce (34)
 <u>Ng</u>	
ngang	width (rank) (47)
ngày nay	today (43H)
ngày xưa	ancient time (42C)
ngắm	to contemplate, watch (46)
nghĩ	to think (34)
nghĩa	meaning (45C)
nghĩa-quân	Popular Forces (37)
ngoài	out, outside (41)
ngoài ra	besides (40)
ngón chun cái	big toe (45C)
ngủ	to sleep (33)
nguội	cooled off, no longer hot (34)
ngước	to raise (the head) (48)
người ta	people (46)
người thông-ngôn	interpreter (37)

VS. LL 33-48

nhà bếp

nhà Hán

nhảy

(lính) nhảy dù

nhảy đầm

nhé!

nhịp

nhớ

nhờ

nhuộm

như thế nào?

oanh tạc cơ, phi-cơ

phóng pháo

ở bên

ở đằng

ở ngoài

ở trên

ở trong

oi!

pha

phải

Nh

kitchen (36)

Hán dynasty (46H)

to jump (44)

paratrooper, jumper (44)

to dance (46)

won't you (33)

rythm (47)

to remember (40)

thanks to (47G)

to dye (48C)

how?, what manner? (36)

O

bomber (48)

over there (46PD)

over there (46PD)

out there (46PD)

up there (46PD)

in there (46PD)

hey! (33PD)

Ph

to mix (41)

use after the verb when the
consequence of the action
is bad (42)

VS. LL 33-48

(tay) phải, mặt	right (47)
pháo binh	artillery (44)
phần	part (44G)
phân-đội	section (43)
phần nhiều	the majority (42C)
phép	permission (35)
phiên	turn (40)
phòng khách	living room (35)
phong-tục	custom (42C)
phơi	to dry (40)
phố	downtown, business area (45)
Phủ-Quốc	Island in South Viet-Nam famous for fish sauce (34)
phục-kích	to ambush (38)
phương	direction (43H)

Qu

qua	through (37)
quay	to turn (47)
quân địch, địch	enemy (37)
quân-đoàn	army corps (43)
quen tai	to be used to (in hearing) (41)
quê quán	home-town, birth place (41)

	<u>R</u>
ra lệnh	to give an order (47)
riêng	to be apart from, particular (41)
rõ	clear (44)
rừng	forest (44G)
	<u>S</u>
sai quân	to send troops (46H)
sanh	to be born, to give birth to (41)
sau khi	after (41)
săn sóc	to take care (42)
sắp	about to (34)
sân tập	training ground (47)
sinh	see sanh (41)
sinh sống	to make a living, live (45C)
sợ	to be afraid (37)
sổ thú	200 (46)
sông	river (42C)
sông ngòi, sông	river (44G)
sông Nhị-hà	Red River (North Việt-Nam) (42C)
sông Triết-giang	a river in China (42C)
súng cao-xạ	anti-aircraft gun (48)
sụp đổ	to fall down, collapse (39)
su-đoàn	division (43)
sử-ký	history (43H)

sửa soạn	to get ready, prepare (33)
sướng	to be happy, satisfied (39)
<u>T</u>	
tả	dozen (40)
tái	rare, not thoroughly cooked (35)
tai nạn	accident, disaster, mishap (42)
tan chợ	the market is closed (35)
tắt (nước)	to bail out (water) (40)
tay phải, tay mặt	right (47)
tấn-công	to attack (38)
(cuộc) tập trận	field maneuver (48)
tất cả	the whole, all (44G)
Tây	west, western (41)
Tây-phương	the west (42C)
tiền	to advance (45C)
tên	name (41)
tiện	convenient (37)
tiếp theo	to continue (38)
tiếp xúc	to contact (48C)
tiêu	to spend (34)
tiêu bang	state (44G)
tiêu diệt	to wipe out, annihilate (37)
tiêu đoàn	battalion (43)
tiêu đội	squad (43)
tiêu đội trưởng	squad leader (43)

tiểu liên-thanh
tin tưởng
tính
tính hiên-ngang
tỉnh
to, lớn
toán
toán
tuồng
tội nghiệp!
tôm
tồn
tuần-tiểu
tục-ngũ
tuy
tuyệt
tự tử
từng ... một
tương

thái
Thái-bình-dương
thành phố
thay

submachine gun (48)
to believe (45C)
personal character (45C)
haughtiness (45C)
province (41)
big (44G)
mathematics, arithmetic (36)
small group (44)
classifier for a play, show (45)
what a pity! (38)
shrimp (36)
to cost (45)
to patrol (37)
proverb, maxim (42C)
although, eventhough (41)
snow (39)
to commit suicide (46H)
one by one, group by group (48)
bean sauce (35)

Th

to slice (35)
Pacific Ocean (44G)
city (47G)
to change (34)

thay đổi	to change (45C)
thân	intimate (36)
thâu	to collect (38)
thâu nhận	to adopt (48C)
thầy	teacher (42C)
thầy giáo	male teacher (34)
thế-kỷ	century (42C)
(như) thế nào?	how?, what manner? (36)
thêm	more, in addition (33)
(xe) thiết-giáp	armored vehicle (48)
thiếu-tá	major (43)
thiếu-tướng	brigadier general (43)
thịt bò bảy món	beef cooked in seven different ways (39)
thóc	unhusked rice (40)
thợ	(manual) worker (40)
thời kỳ	period of time (46H)
thờ dân	natives, aborigines (45C)
thổi	to blow (39)
thông-ngôn	to interpret (37)
thủ-đô	capital (43H)
(con) thú vật	animal (46)
(bị) thua	to be defeated (46H)
thuộc bài	to know the lesson (34)
thuộc về	belong to (44G)
thuốc ký-ninh	quinine (34)

Thủy-chân-lập	old Cambodia, outer Cambodia (48C)
thủy-quân lục-chiến	marines (44)
thuyền	boat (39)
thưởng	to reward (36)
thượng-sĩ	master sergeant (43)
	<u>Tr</u>
trái lại	on the contrary (47G)
tranh đấu	to fight, struggle (45C)
trâu	water buffalo (40)
trễ	to be tardy (33)
trình	to report (38AC)
trọn	whole, all (46)
... trời	long (span of time) (47G)
trông	to look (47G)
trung	center, central (41)
trung, trung thành	to be loyal (42C)
trung-đoàn	regiment (43)
trung-đội	platoon (43)
Trung-hoa	China (42C)
trung-tá	Lt. Colonel (43)
trung-Tây	Mid-West (41)
trung-tướng	Major general (43)
trứng	egg (43H)
trước Tây-lịch	Before Christ, B.C. (42C)

ướt	<u>U</u> wet (34)
	<u>V</u>
vai	shoulder (36)
vào, vô	in, into (42)
vào khoảng	approximately (42C)
văn-hóa	culture (42C)
Văn-lang	1st known name of Viet-Nam (1876 B.C.) (43H)
văn-minh	civilization (48C)
văng (ra)	to be thrown out (42)
vật	miscellaneous (34)
(mà) vẫn	still, nonetheless; and yet (38)
vẽ mình	tattoo (48C)
về	about (33AC)
vết	trace, (a) mark, (a) print (42)
vĩ-tuyến	parallel (44G)
viên	classifier for small round object (35)
viếng	to visit (46)
Việt-Nam Cộng-hòa	Republic of Viet-Nam (44G)
Việt-Nam Dân-chủ Cộng-hòa	Democratic Republic of Viet-Nam (44G)
vịnh	gulf (44G)
Vịnh Bắc-Việt	Gulf of Tonkin (44G)
vịt	duck (35)

VS. LL 33-48

vo, vo gạo

vỗ

vua

vua tổ

vùng

vùng nhiệt-đới

vuông

vượt

xăng

xe bán-xích-xa

xe cam-nhông

xe cứu-thương

xe máy, xe đạp

xe máy dầu

xe thiết-giáp

xếp hàng

xung-quanh

xứng

xe tăng

yêu

yếu

to rub, wash the rice (40)

to pat with the hand (36)

king (42C)

very first (ancestor King (43H)

area (39)

tropical zone (39)

square (44G)

to cross over, to pass (48C)

X

gasoline (46)

halftrack (48)

truck (48)

ambulance (42)

bicycle (36)

motorcycle (33)

armored vehicle (48)

to arrange in rank (to fall
in) (47)

around (46)

to deserve (36)

tank (48)

Y

to love (42C)

weak (46H)

VS. LL 33-48

Song by self means rich woman

không cảnh tạnh ở

mặt - sorry

xin tình yêu - to beg for Love

coi chừng - watch out

MINH-MẾN - WAGMAN WIZE

THANH PHONG - BLUE WIND, TUBERT

QUI-ĐÓN - (KING) TREASURE DOWNS

BACH-HỒ - ~~CLOUD~~ MR.

HỮU DŨNG - STRONG, MIGHTY HOLLOWAY

CÁT-ĐĂNG - SAND FUY, GANGSTER, - KRAFT

~~THANH~~

THANH-BÌNH - PEACE BURKE

BACH HỒ - WHITE TIGER - HE

Y UÂN - CLOUD, EVANS

Tây Nam Gió

~~Cho~~ Gió Tây Nam

Con

cháu - ông nội

ông ngoại

lúc Luồng Dải biết

Đẹp trai

số 7hú = 7haỏ cầm vién

ghê lĩnh = slang beautiful girls

khéo lỏ = handsome

Đang soạn

1863

1873

ho
huân luyện căn bản

(9)

(8)

